

PHỤ LỤC
NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA, KIẾN NGHỊ
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Quyết định đầu tư/ điều chỉnh chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (Đối với chương trình đầu tư công do Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư)

a) Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị giảm thời gian thực hiện của TTHC từ không quá 20 ngày xuống còn không quá 17 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời hạn thực hiện thủ tục quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 16 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài như sau:

“3. Thời gian quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

a) Chương trình đầu tư công (không bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): Không quá 17 ngày”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 23.685.571 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 20.161.283 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.524.288 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15 %.

2. Quyết định, phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư) đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý

a) Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị giảm thời gian thực hiện của TTHC từ không quá 20 ngày xuống còn không quá 17 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời hạn thực hiện thủ tục quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 26 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài như sau:

“e) Thời hạn thẩm định Văn kiện dự án, phi dự án là không quá 17 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 23.860.333 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 20.336.045 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.524.288 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15 %.

3. Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

a) Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị giảm thời gian thực hiện của TTHC từ không quá 45 ngày xuống còn không quá 33 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 15 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài như sau:

“6. Thời gian thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi chương trình, dự án kể từ ngày Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau: ... b) Chương trình đầu tư công (không bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): Không quá 33 ngày”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 158.402.961 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 116.561.505 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 41.841.456 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26 %.

4. Quyết định thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập

a) Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị giảm thời gian cơ quan đại diện chủ sở hữu (UBND tỉnh) ra quyết định thành lập doanh nghiệp từ 30 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương xuống còn 29 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời hạn quy định tại khoản 5, Điều 10 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ như sau:

“5. Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 29 ngày làm việc kể từ ngày được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.”

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 36.370.500 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 35.162.404 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.208.096 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3 %.

5. Quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý

a) Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị giảm thời gian thẩm định, phê duyệt hồ sơ và ra quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp từ 30 ngày làm việc xuống còn 29 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời hạn thẩm định, phê duyệt Hồ sơ và ra quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp điểm b, khoản 2, Điều 17 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ như sau:

“b) Trong thời hạn 29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định này thẩm định, phê duyệt Hồ sơ và ra quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.”

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 37.987.009 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 35.500.182 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 2.486.827 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7 %.

6. Quyết định chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý

a) Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị giảm thời gian Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định chia, tách doanh nghiệp kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương từ 30 ngày làm việc xuống còn 29 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời hạn thẩm định, phê duyệt Hồ sơ và ra quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp điểm d, khoản 2, Điều 18 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ như sau:

“d) Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định chia, tách doanh nghiệp trong thời hạn 29 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương.”

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 37.697.485 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 36.489.389 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.208.096 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3 %.

7. Quyết định giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)

a) Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị giảm thời gian người có thẩm quyền ra quyết định giải thể và thành lập Hội đồng giải thể để thực hiện các bước giải thể doanh nghiệp từ 30 ngày làm việc xuống còn 29 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời hạn ra quyết định giải thể và thành lập Hội đồng giải thể để thực hiện các bước giải thể doanh nghiệp quy định tại khoản 1, Điều 41 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ như sau:

“1. Trong thời hạn 29 ngày làm việc kể từ ngày xác định doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp xem xét giải thể quy định tại Điều 39 Nghị định này, người có thẩm quyền quyết định giải thể doanh nghiệp ra quyết định giải thể và thành lập Hội đồng giải thể để thực hiện các bước giải thể doanh nghiệp”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 35.260.658 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 34.052.562 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.208.096 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3 %.

8. Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Nội dung kiến nghị: Đề nghị quy định cụ thể số lượng hồ sơ của TTHC.

Lý do: Việc quy định cụ thể số lượng hồ sơ của TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, đồng thời để cho cơ quan có thẩm quyền có cơ sở, minh bạch khi tiếp nhận hồ sơ khi giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định cụ thể số lượng hồ sơ của TTHC tại Điều 23 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

9. Phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng

a) Nội dung kiến nghị: Đề nghị quy định cụ thể thời gian thực hiện của TTHC.

Lý do: Tại Điều 42 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài đã quy định: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập hoặc rà soát, cập nhật kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, trình cơ quan chủ quản xem xét và phê duyệt; trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án, cơ quan chủ quản chương trình, dự án, gửi Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án. Tuy nhiên, chưa quy định cụ thể thời gian cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.

Đồng thời, việc quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, đồng thời để cho cơ quan có thẩm quyền có kế hoạch thực hiện và chủ động hơn trong giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định cụ thể thời gian cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng tại Điều 42 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

10. Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm

a) Nội dung kiến nghị: Đề nghị quy định cụ thể thời gian thực hiện của TTHC.

Lý do: Tại Điều 43 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài đã quy định: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm, chủ dự án gửi cơ quan chủ quản và thông qua cơ quan chủ quản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan có liên quan và nhà tài trợ nước ngoài Quyết định phê duyệt kèm theo kế hoạch thực hiện chương trình, dự án hằng năm phục vụ công tác giám sát, đánh giá và phối hợp thực hiện chương trình, dự án. Tuy nhiên, chưa quy định cụ thể thời gian cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm.

Đồng thời, việc quy định cụ thể thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, các nhân khi thực hiện TTHC, đồng thời để cho cơ quan có thẩm quyền có kế hoạch thực hiện và chủ động hơn trong giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định cụ thể thời gian cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm tại Điều 43 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

11. Các thủ tục:

- **Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh;**
- **Xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm cấp tỉnh;**
- **Đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách Trung ương;**
- **Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn Ngân sách địa phương cấp tỉnh.**

a) Nội dung kiến nghị: Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ của TTHC.

Lý do: Việc quy định cụ thể về thành phần, số lượng hồ sơ của TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, đồng thời tạo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện, xử lý hồ sơ. Đảm bảo việc thực hiện thủ tục được thống nhất, khoa học, kịp thời, hiệu quả.

b) Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ của TTHC tại Luật Đầu tư công.

12. Cung cấp thông tin quy hoạch tỉnh

a) Nội dung kiến nghị: Kiến nghị bổ sung quy định cụ thể về thành phần, số lượng hồ sơ của TTHC.

Lý do: Việc quy định cụ thể số lượng hồ sơ tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC, đồng thời tạo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện, xử lý hồ sơ. Đảm bảo việc thực hiện thủ tục được thống nhất, khoa học, kịp thời, hiệu quả.

b) Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ của TTHC tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

II. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Nộp xuất bản phẩm lưu chiếu đối với xuất bản phẩm dạng in

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm số bản phải nộp từ 02 (hai) bản xuống còn 01 (một) bản và không phải nộp lưu chiếu cho Cục Xuất bản, In và Phát hành đối với cơ quan, tổ chức được giấy phép xuất bản.

Lý do: Thuận tiện, đơn giản hóa hồ sơ, giảm tối đa chi phí tuân thủ TTHC cho Nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b, khoản 1, Điều 28 Luật Xuất bản như sau:

“ b) Cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản phải nộp một bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ”

c) Lợi ích của Phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 223,294,800 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 203,761,500 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 19,533,300 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8,75 %.

2. Các thủ tục:

- **Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng III;**
- **Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng II;**
- **Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin lên chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng I;**
- **Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng III;**
- **Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng II;**
- **Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành an toàn thông tin lên chức danh nghề nghiệp an toàn thông tin hạng I;**
- **Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên tập viên lên chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II;**
- **Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên tập viên lên chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng I;**

- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phóng viên lên chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng II;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phóng viên lên chức danh nghề nghiệp phóng viên hạng I;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên dịch viên lên chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng II;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành biên dịch viên lên chức danh nghề nghiệp biên dịch viên hạng I;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành đạo diễn truyền hình lên chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng II;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành đạo diễn truyền hình lên chức danh nghề nghiệp đạo diễn truyền hình hạng I;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành âm thanh viên lên chức danh âm thanh viên hạng III;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành âm thanh viên lên chức danh âm thanh viên hạng II;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành âm thanh viên lên chức danh âm thanh viên hạng I;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phát thanh viên lên chức danh phát thanh viên hạng III;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phát thanh viên lên chức danh phát thanh viên hạng II;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành phát thanh viên lên chức danh phát thanh viên hạng I;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim lên chức danh kỹ thuật dựng phim hạng III;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim lên chức danh kỹ thuật dựng phim hạng II;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành kỹ thuật dựng phim lên chức danh kỹ thuật dựng phim hạng I;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành quay phim lên chức danh quay phim hạng III;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành quay phim lên chức danh quay phim hạng II;
- Xét thăng hạng viên chức chuyên ngành quay phim lên chức danh quay phim hạng I.

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Đồng thời việc quy định thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC

được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo hướng quy định cụ thể về thời hạn giải quyết hồ sơ.

III. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên trung học phổ thông hạng III lên giáo viên trung học phổ thông hạng II

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Lý do: Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, khớp giữa hồ sơ và mẫu đơn, tờ khai. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung khoản 5, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Cụ thể:

“5. Công văn cử viên chức đăng ký thăng hạng viên chức của đơn vị, kèm Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định này”.

2. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên trung học phổ thông hạng II lên giáo viên trung học phổ thông hạng I

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Lý do: Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, khớp giữa hồ sơ và mẫu đơn, tờ khai. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung khoản 5, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2024 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Cụ thể:

“5. Công văn cử viên chức đăng ký thăng hạng viên chức của đơn vị, kèm Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định này”.

3. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên trung học cơ sở hạng III lên giáo viên trung học cơ sở hạng II

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Lý do: Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, khớp giữa hồ sơ và mẫu đơn, tờ khai. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung khoản 5, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2024 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Cụ thể:

“5. Công văn cử viên chức đăng ký thăng hạng viên chức của đơn vị, kèm Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định này”.

4. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên trung học cơ sở hạng II lên giáo viên trung học cơ sở hạng I

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Lý do: Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, khớp giữa hồ sơ và mẫu đơn, tờ khai. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung khoản 5, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2024 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Cụ thể:

“5. Công văn cử viên chức đăng ký thăng hạng viên chức của đơn vị, kèm Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định này”.

5. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên tiểu học hạng III lên giáo viên tiểu học hạng II

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Lý do: Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, khớp giữa hồ sơ và mẫu đơn, tờ khai. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung khoản 5, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2024 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Cụ thể:

“5. Công văn cử viên chức đăng ký thăng hạng viên chức của đơn vị, kèm Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định này”.

6. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên tiểu học hạng II lên giáo viên tiểu học hạng I

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Lý do: Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, khớp giữa hồ sơ và mẫu đơn, tờ khai. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung khoản 5, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2024 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Cụ thể:

“5. Công văn cử viên chức đăng ký thăng hạng viên chức của đơn vị, kèm Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định này”.

7. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên mầm non hạng III lên giáo viên mầm non hạng II

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Lý do: Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, khớp giữa hồ sơ và mẫu đơn, tờ khai. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung khoản 5, Điều 36, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2024 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Cụ thể:

“5. Công văn cử viên chức đăng ký thăng hạng viên chức của đơn vị, kèm Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định này”.

8. Thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giáo viên mầm non hạng II lên giáo viên mầm non hạng I

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Lý do: Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, khớp giữa hồ sơ và mẫu đơn, tờ khai. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung khoản 5, Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2024 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Cụ thể:

“5. Công văn cử viên chức đăng ký thăng hạng viên chức của đơn vị, kèm Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định này”.

IV. SỞ TƯ PHÁP

1. Các thủ tục:

- **Thủ tục Công nhận Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;**

- **Thủ tục: Công nhận Báo cáo viên pháp luật cấp huyện.**

a) Nội dung kiến nghị: Kiến nghị bổ sung mẫu “*Văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật*”. Trong đó, ghi đầy đủ các thông tin của người được đề nghị công nhận, cụ thể:

+ Họ và tên;

+ Chức vụ, chức danh (nếu có) và cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác;

+ Trình độ chuyên môn (ghi rõ bằng đại học luật hoặc lĩnh vực khác);

+ Thời gian công tác trong lĩnh vực liên quan đến pháp luật;

+ Lĩnh vực pháp luật chuyên môn sâu dự kiến kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

Lý do: TTHC có quy định về thành phần hồ sơ là: “*Văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật*”, nhưng không quy định về mẫu đơn, mẫu văn bản. Do không quy định mẫu chung thống nhất nên thông tin trong Văn bản của người được đề nghị công nhận không đảm bảo khả năng truyền đạt, thừa hoặc thiếu thông tin, làm mất thời gian xử lý do người đề nghị phải bổ sung, hoàn thiện lại các thông tin trong Văn bản mới đủ cơ sở để cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Đồng thời, nhằm để tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện, xử lý hồ sơ đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật. Đảm bảo việc thực hiện thủ tục được thống nhất, khoa học, kịp thời, hiệu quả.

b) Kiến nghị thực thi: Bổ sung mẫu đơn, tờ khai là “*Văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật*” tại Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

2. Các thủ tục:

- **Miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;**

- **Miễn nhiệm Báo cáo viên pháp luật cấp huyện.**

a) Nội dung đơn giản hóa: Về tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: a) Nội dung kiến nghị: Kiến nghị bổ sung mẫu “*Văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật*”. Trong đó, ghi đầy đủ các thông tin của người được đề nghị miễn nhiệm, cụ thể:

+ Họ và tên;

+ Chức vụ, chức danh (nếu có) và cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

+ Số, ngày, tháng, năm của Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật;

+ Lý do của việc đề nghị miễn nhiệm.

Lý do: TTHC có quy định về thành phần hồ sơ là: “*Văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật*”, nhưng không quy định về mẫu đơn, mẫu văn bản. Do không quy định mẫu chung thống nhất nên thông tin trong Văn bản của người được đề nghị miễn nhiệm không đảm bảo khả năng truyền đạt, thừa hoặc thiếu thông tin, làm mất thời gian xử lý do người đề nghị phải bổ sung, hoàn thiện lại

các thông tin trong Văn bản mới đủ cơ sở để cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ. Đồng thời, nhằm để tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện, xử lý hồ sơ đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật. Đảm bảo việc thực hiện thủ tục được thống nhất, khoa học, kịp thời, hiệu quả.

b) Kiến nghị thực thi: Bổ sung mẫu đơn, tờ khai là “*Văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật*” tại Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

3. Rà soát, trao đổi thông tin lý lịch tư pháp phục vụ xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác CSDL lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh

a) Nội dung kiến nghị:

Về tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Kiến nghị bổ sung mẫu “*Văn bản đề nghị phối hợp rà soát việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp*”. Trong đó, ghi đầy đủ các thông tin đề nghị phối hợp rà soát việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

+ Kiến nghị bổ sung mẫu “*Văn bản trả lời kết quả rà soát, xác minh, đối chiếu số liệu thông tin lý lịch tư pháp của các cơ quan, đơn vị*”. Trong đó, ghi đầy đủ các thông tin về nội dung rà soát, xác minh, số liệu đối chiếu thông tin lý lịch tư pháp mà cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ cung cấp và thông báo cho Sở Tư pháp.

Lý do: TTHC có quy định về thành phần hồ sơ là: “*Văn bản đề nghị phối hợp rà soát việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp*” và kết quả thực hiện thủ tục hành chính là “*Văn bản trả lời kết quả rà soát, xác minh, đối chiếu số liệu thông tin lý lịch tư pháp của các cơ quan, đơn vị*”, nhưng không quy định về mẫu đơn, mẫu văn bản. Do đó, không đảm bảo tính thống nhất giữa các nội dung thông tin của các cơ quan, đơn vị liên quan gửi về Sở Tư pháp, làm mất thời gian trao đổi và thời gian tổng hợp của các cơ quan, đơn vị liên quan. Đồng thời, nhằm để tạo thuận lợi trong quá trình phối hợp rà soát, trao đổi thông tin lý lịch tư pháp. Đảm bảo việc thực hiện thủ tục được thống nhất, khoa học, kịp thời, hiệu quả.

b) Kiến nghị thực thi:

+ Bổ sung mẫu đơn, tờ khai là “*Văn bản đề nghị phối hợp rà soát việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp*” vào trong Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 giữa Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

+ Bổ sung mẫu đơn, tờ khai là “*Văn bản trả lời kết quả rà soát, xác minh, đối chiếu số liệu thông tin lý lịch tư pháp của các cơ quan, đơn vị*” vào trong Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 giữa Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

4. Thành lập Phòng Công chứng

a) Nội dung kiến nghị: Kiến nghị quy định cụ thể về thời hạn giải quyết.

Lý do: Theo quy định của pháp luật về công chứng thì việc thành lập Văn phòng Công chứng có quy định về thời hạn giải quyết của cơ quan có thẩm quyền trong việc xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng. Tuy nhiên, đối với việc thành lập Phòng Công chứng thì không có quy định. Điều này dẫn đến quy trình xem xét giải quyết thủ tục không thống nhất, không tạo được sự chủ động trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, nhằm để tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính của Phòng công chứng, Sở Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền quyết định. Đảm bảo việc thực hiện thủ tục được thống nhất, khoa học, kịp thời, hiệu quả.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 20 Luật Công chứng năm 2014 như sau:

“1. Căn cứ vào nhu cầu công chứng tại địa phương, Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ xây dựng đề án thành lập Phòng công chứng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập Phòng công chứng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do”.

5. Giải thể Phòng Công chứng

a) Nội dung kiến nghị: Kiến nghị quy định cụ thể về thời hạn giải quyết.

Lý do: Việc không quy định về thời hạn giải quyết đối với thủ tục giải thể Phòng công chứng dẫn đến quy trình xem xét giải quyết thủ tục không thống nhất, không tạo được sự chủ động trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, nhằm để tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính của Phòng công chứng, Sở Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền quyết định. Đảm bảo việc thực hiện thủ tục được thống nhất, khoa học, kịp thời, hiệu quả.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 21 Luật Công chứng năm 2014 như sau:

“2. Trường hợp không có khả năng chuyển đổi Phòng công chứng thành Văn phòng công chứng, thì Sở Tư pháp lập đề án giải thể Phòng công chứng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị giải thể Phòng công chứng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định về việc giải thể Phòng công chứng”.

6. Xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp

a) Nội dung kiến nghị:

- Về tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Kiến nghị bổ sung mẫu “*Tờ trình đề nghị xếp hạng*”.

- Về số lượng hồ sơ: Đề nghị quy định cụ thể số lượng hồ sơ đề nghị xếp hạng các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp.

Lý do: Việc không quy định mẫu Tờ trình, không quy định về số lượng hồ sơ sẽ không đảm bảo tính thống nhất. Các nội dung thông tin của các cơ quan, đơn vị trình Chủ tịch UBND tỉnh không bảo đầy đủ, gây mất thời gian trao đổi và thời gian tổng hợp của đơn vị tổng hợp. Đồng thời, nhằm đảm bảo việc thực hiện thủ tục được thống nhất, khoa học, kịp thời, hiệu quả.

b) Kiến nghị thực thi:

+ Bổ sung mẫu đơn, tờ khai là “*Tờ trình đề nghị xếp hạng*” vào trong Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTP-BNV ngày 11/02/2010 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp;

+ Bổ sung thêm khoản 4 vào Điều 8 Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTP-BNV ngày 11/02/2010 của Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp, cụ thể như sau: “*4. Số lượng hồ sơ đề nghị xếp hạng: 01 bộ*”.

7. Thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp

a) Nội dung kiến nghị:

- Về tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Kiến nghị bổ sung mẫu “*Văn bản đề nghị thành lập Hội đồng quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập*”.

- Về số lượng hồ sơ: Đề nghị quy định cụ thể số lượng hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp.

Lý do: Thủ tục này đã đảm bảo các thành phần hồ sơ theo quy định, tuy nhiên không có quy định về *số lượng hồ sơ yêu cầu* và mẫu *Văn bản đề nghị thành lập Hội đồng quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập* sẽ không tạo được sự chủ động trong việc chuẩn bị hồ sơ của đơn vị sự nghiệp. Đồng thời, đảm bảo tính thống nhất, khoa học, kịp thời, hiệu quả trong quá trình thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Về tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bổ sung mẫu đơn, tờ khai là “*Văn bản đề nghị thành lập Hội đồng quản lý của đơn vị sự nghiệp công lập*” vào trong Thông tư số 04/2022/TT-BTP ngày 21/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp.

- Về số lượng hồ sơ: Bổ sung thêm khoản 8 vào Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BTP ngày 21/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về Hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp, cụ thể như sau: “*8. Số lượng hồ sơ đề nghị: 01 bộ*”.

V. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Phê duyệt kế hoạch triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn vốn ngân sách địa phương

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về số lượng thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn. Đồng thời, việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng quy định cụ thể về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

2. Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về số lượng thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại Điều 4, 5 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 4, 5 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo hướng quy định cụ thể thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

3. Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về số lượng thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại Điều 6 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Quy định về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

4. Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại Điều 26 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 26 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Quy định về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

5. Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại Điều 31 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết sẽ tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC cũng như nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức nhà nước trong giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 31 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ.

6. Công bố vùng dịch bệnh động vật trên cạn bị uy hiếp

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 28 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Quy định về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

7. Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại điểm d, khoản 4 Điều 27 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm d, khoản 4 Điều 27 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Quy định về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

VI. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

1. Thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 45 ngày làm việc xuống còn 44 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b, khoản 1, Điều 12, Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh.

“ Thời hạn lập quy hoạch và quy hoạch di tích là di tích cấp tỉnh: Trong thời hạn 29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt; Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.229.848 đồng/ năm.
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.457.784 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 772.064 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,55 %.

2. Phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quy hoạch di tích cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết từ 45 ngày làm việc xuống 44 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b, khoản 2, Điều 12 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh.

“ Thời hạn lập quy hoạch và quy hoạch di tích là di tích cấp tỉnh: Trong thời hạn 29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt; Trường hợp chưa nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.229.848 đồng/ năm.
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.457.784 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 772.064 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,55 %.

3. Phê duyệt dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống 24 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b, khoản 1, Điều 21 Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh.

“ Thời hạn phê duyệt dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích: Trong thời hạn 19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp kết quả thẩm định bằng văn bản đồng ý hoặc văn bản góp ý điều chỉnh, bổ sung.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.369.528 đồng/ năm.
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.597.464 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 772.064 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,12 %.

4. Điều chỉnh dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống 24 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b, khoản 1, điều 21, Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh.

“ Thời hạn điều chỉnh dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích: Trong thời hạn 19 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có trách nhiệm thẩm định và tổng hợp kết quả thẩm định bằng văn bản đồng ý hoặc văn bản góp ý điều chỉnh, bổ sung.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có văn bản yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.983.496 đồng/ năm.
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.404.448 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 579.048 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,68 %.

5. Phê duyệt danh mục tên đường, phố và công trình công cộng

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại mục V, Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hoá, Thông tin về hướng dẫn thực hiện một số điều của quy chế đặt tên đường phố và công trình công cộng. Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ đúng thời gian quy định, nhanh chóng tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung tại mục V, Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thông tin về hướng dẫn thực hiện một số điều của quy chế đặt tên đường phố và công trình công cộng theo hướng quy định cụ thể về thời hạn giải quyết.

6. Đặt mới, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại mục V, Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hoá, Thông tin về hướng dẫn thực hiện một số điều của quy chế đặt tên đường phố và công trình công cộng. Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ

đúng thời gian quy định, nhanh chóng tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung tại mục V, Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hoá, Thông tin về hướng dẫn thực hiện một số điều của quy chế đặt tên đường phố và công trình công cộng theo hướng quy định cụ thể về thời hạn giải quyết.

7. Phê duyệt quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống còn 14 ngày làm việc quy định tại: Khoản 5, Điều 20 Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật, cụ thể như sau:

“5. Thời gian phê duyệt quy hoạch: Trong thời hạn 30 ngày đối với quy hoạch cấp quốc gia, 14 ngày đối với quy hoạch cấp tỉnh, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này phê duyệt quy hoạch; Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt quy hoạch thì thời hạn tối đa là 60 ngày đối với quy hoạch cấp quốc gia và 30 ngày đối với quy hoạch cấp tỉnh.”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 364.800.240 đồng/ năm.
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 340.480.224 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 24.320.016 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,67 %.

8. Điều chỉnh quy hoạch tượng đài, tranh hoành tráng cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày xuống 14 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống còn 14 ngày quy định tại Khoản 5, Điều 20, Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật, cụ thể như sau:

“5. Thời gian phê duyệt quy hoạch: Trong thời hạn 30 ngày đối với quy hoạch cấp quốc gia, 14 ngày đối với quy hoạch cấp tỉnh, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này phê duyệt quy hoạch.”.

Trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời gian phê duyệt quy hoạch thì thời hạn tối đa là 60 ngày đối với quy hoạch cấp quốc gia và 30 ngày đối với quy hoạch cấp tỉnh.”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 364.800.240 đồng/ năm.
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 340.480.224 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 24.320.016 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,67 %.

9. Các thủ tục:

- Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện;

- Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện;

- Thông báo giải thể thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện.

a) Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày xuống 14 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân nhưng vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống còn 14 ngày quy định tại: Khoản 4 Điều 23 Luật Thư viện, như sau:

“4. Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận thông báo, nếu hồ sơ thông báo không đủ tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm gửi văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân bổ sung hoặc điều chỉnh hồ sơ”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 359.772.188 đồng/ năm.
- Chi phí TTHC sau khi đơn giản hóa: 349.082.181 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 10.640.007 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3 %.

10. Các thủ tục:

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III;

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II;

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I;

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III;

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II;

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I;
- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III;
- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II;
- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng I;
- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III;
- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng II;
- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng III.

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung thời hạn giải quyết.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Yêu cầu bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ nhanh chóng triển khai đảm bảo quyền lợi cho cá nhân đề nghị thăng hạng.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung thêm nội dung quy định về thời hạn giải quyết của TTHC tại khoản 1, Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức theo hướng quy định cụ thể về thời hạn xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

VII. SỞ NỘI VỤ

1. Quyết định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền UBND tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 10 ngày xuống còn 9 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b, khoản 1, Điều 14 Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính như sau:

"...b. Thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương thì thời hạn thẩm định là 9 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, tổ chức thẩm định phải có văn bản thẩm định gửi cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập;..."

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 156.342.960 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 140.901.680 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.441.280 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,9 %.

2. Quyết định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền UBND tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 10 ngày xuống còn 9 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2, Điều 17 Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính. Quy định về thời gian thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền UBND tỉnh là 09 ngày.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 156.342.960 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 140.901.680 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.441.280 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,9 %.

3. Quyết định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền UBND tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 10 ngày xuống còn 9 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2, Điều 17, Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính. Quy định về thời gian thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền UBND tỉnh là 09 ngày.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 156.342.960 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 140.901.680 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.441.280 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,9 %.

4. Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền UBND tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 10 ngày xuống còn 9 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b, khoản 1, Điều 15 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập như sau:

“...b. Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì thời hạn thẩm định là 09 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, tổ chức thẩm định phải có văn bản thẩm định gửi cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập.;...”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 156.342.960 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 140.901.680 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.441.280 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,9 %.

5. Quyết định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền UBND tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 10 ngày xuống còn 9 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2, Điều 18 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Quy định về thời gian thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền UBND tỉnh là 09 ngày.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 156.342.960 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 140.901.680 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.441.280 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,9 %.

6. Quyết định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền UBND tỉnh

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 10 ngày xuống còn 9 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 2, Điều 18 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thẩm định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Quy định về thời gian thẩm định tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền UBND tỉnh là 09 ngày.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 156.342.960 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 140.901.680 đồng/ năm.

- Chi phí tiết kiệm: 15.441.280 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,9 %.

VIII. SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Các thủ tục:

- Xét thăng hạng viên chức từ Nhân viên công tác xã hội lên Công tác xã hội viên;

- Xét thăng hạng viên chức từ Công tác xã hội viên lên Công tác xã hội viên chính.

a) Nội dung kiến nghị: Kiến nghị bổ sung biểu mẫu “*Văn bản của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về nhu cầu và cử viên chức dự xét thăng hạng*”. Trong biểu mẫu có các thông tin của người được đề nghị dự xét thăng hạng, cụ thể các thông tin như: Họ và tên; Ngày tháng năm sinh; chức vụ hoặc chức danh công tác; thời gian giữ chức danh nghề nghiệp; mức lương hiện hưởng (*Hệ số lương; Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ*); văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét: Trình độ Chuyên môn, Trình độ lý luận chính trị; Trình độ quản lý nghề nghiệp; trình độ tin học (nếu có); trình độ ngoại ngữ (nếu có)...

Lý do: TTHC có quy định về thành phần hồ sơ là: “*Văn bản của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về nhu cầu và cử viên chức dự xét thăng hạng*”, nhưng không quy định biểu mẫu các thông tin của viên chức dự xét thăng hạng, dẫn đến thông tin của các đơn vị cung cấp không thống nhất (có thể thừa hoặc thiếu thông tin), gây lãng phí thời gian xử lý thủ tục hành chính (thời gian điều chỉnh, bổ sung, tổng hợp thông tin viên chức dự xét thăng hạng). Đồng thời, nhằm tạo điều kiện thuận lợi, thống nhất trong quá trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; tiết kiệm chi phí, thời gian cho tổ chức, cá nhân đồng thời đảm bảo thực hiện thủ tục hành chính hiệu quả, khoa học và thống nhất.

b) Kiến nghị thực thi: Bổ sung Điều 36 của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính Phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, như sau:

“5. Văn bản của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về nhu cầu và cử viên chức dự xét thăng hạng (*kèm danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định này*)”

IX. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Phê duyệt kế hoạch về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định thời hạn giải quyết.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho

bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính.

2. Thỏa thuận quy trình quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường giao thông nông thôn (trường hợp UBND cấp huyện, UBND cấp xã, cộng đồng dân cư là Chủ đầu tư)

a) Nội dung kiến nghị: Quy định thời hạn giải quyết của thủ tục.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết thủ tục hành chính tại Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định công tác khảo sát luồng đường thủy nội địa.

X. SỞ XÂY DỰNG

1. Các thủ tục:

- **Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch chung đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh;**

- **Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch phân khu;**

- **Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị;**

- **Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố, thị xã, đô thị loại IV trở lên chưa công nhận là thành phố, thị xã; đô thị mới dự kiến là thành phố, thị xã thuộc tỉnh;**

- **Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị trấn, đô thị loại V chưa công nhận là thị trấn và đô thị mới loại V;**

- **Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị;**

- **Thẩm định, phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị;**

- **Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình không theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.**

a) Nội dung kiến nghị:

- Về số lượng hồ sơ: Quy định rõ số lượng hồ sơ tại Điều 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ và Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

Lý do: Nhằm đảm bảo tính thống nhất quy định về số lượng hồ sơ trình thẩm định, tạo điều kiện cho cơ quan trình chủ động chuẩn bị số lượng hồ sơ.

- Về mẫu tờ khai: bổ sung mẫu báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ/đồ án, nhiệm vụ điều chỉnh/đồ án điều chỉnh quy hoạch và các mẫu Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh/đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ và Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ.

Lý do: Tạo thuận lợi cho cơ quan thực hiện TTHC cụ thể: giảm thời gian nghiên cứu các quy định hiện hành, đồng thời nhằm đảm bảo tính thống nhất đúng, đủ về nội dung theo quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung nội dung về số lượng hồ sơ tại Điều 33 Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ và Điều 27 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ. Đồng thời bổ sung các mẫu báo cáo kết quả thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch và mẫu Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch.

2. Xây dựng chương trình phát triển nhà ở địa phương

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết TTHC quy định tại điểm d, điểm đ, khoản 1, Điều 10 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

Lý do: Tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC, giúp cá nhân, tổ chức tiết kiệm được thời gian. Đồng thời giảm thời gian vẫn đảm bảo được việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi thời hạn giải quyết tại điểm d, điểm đ, khoản 1, Điều 10 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở như sau:

“1. Trình tự, thủ tục xây dựng, phê duyệt chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh được thực hiện như sau:

...

d) Sau khi hoàn thành xây dựng dự thảo chương trình phát triển nhà ở, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh phải gửi văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan chức năng và tổ chức có liên quan của địa phương.

Trong thời hạn tối đa 14 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải gửi văn bản trả lời cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh;

đ) Trong thời hạn tối đa 44 ngày, kể từ ngày gửi văn bản góp ý, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thiện, chỉnh sửa nội dung dự thảo chương trình phát triển nhà ở; lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét cho ý kiến để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua.”

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 92.767.680 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 91.223.552 đồng/ năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.544.128 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,66 %.

XI. SỞ Y TẾ

1. Công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện

a) Nội dung kiến nghị: Đề nghị bổ sung số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Việc quy định cụ thể số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị quy định cụ thể số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết tại khoản 2, Điều 3 Thông tư số 17/2013/TT-BYT ngày 06/06/2013 quy định tiêu chí và hướng dẫn kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh và huyện do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

2. Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh

a) Nội dung kiến nghị: Đề nghị bổ sung số lượng hồ sơ.

Lý do: Việc quy định cụ thể số lượng hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung số lượng hồ sơ cụ thể của thủ tục tại điểm b, khoản 2, Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Y tế.

3. Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A

a) Nội dung kiến nghị: Đề nghị bổ sung số lượng, thành phần hồ sơ.

Lý do: Việc quy định cụ thể số lượng hồ sơ và thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung số lượng, thành phần hồ sơ của thủ tục tại Quyết định 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

4. Công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B, C thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh

a) Nội dung kiến nghị: Đề nghị bổ sung số lượng, thành phần hồ sơ.

Lý do: Việc quy định cụ thể số lượng hồ sơ và thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung số lượng, thành phần hồ sơ tại Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

5. Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố hết dịch truyền nhiễm nhóm A trên địa bàn tỉnh

a) Nội dung kiến nghị: Đề nghị bổ sung thời hạn giải quyết, số lượng hồ sơ và thành phần hồ sơ.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết, số lượng hồ sơ và thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung thời hạn giải quyết, số lượng hồ sơ và thành phần hồ sơ tại Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

6. Công bố hết dịch truyền nhiễm thuộc nhóm B, C trên địa bàn tỉnh

a) Nội dung kiến nghị: Đề nghị bổ sung thời hạn giải quyết, số lượng hồ sơ và thành phần hồ sơ.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết, số lượng hồ sơ và thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung thời hạn giải quyết, số lượng hồ sơ và thành phần hồ sơ tại Quyết định số 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

7. Cấp và chi trả tiền bồi thường cho người được tiêm chủng khi sử dụng vắc xin trong chương trình tiêm chủng chống dịch

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung cách thức thực hiện và số lượng hồ sơ.

Lý do: Việc quy định cụ thể cách thức thực hiện và số lượng hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp

nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Bổ sung cách thức thực hiện và số lượng hồ sơ tại Điều 19 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng.

8. Các thủ tục:

- **Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;**

- **Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.**

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung số lượng hồ sơ.

Lý do: Việc quy định cụ thể số lượng hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị bổ sung số lượng hồ sơ tại Điều 4, Điều 6 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.

9. Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung số lượng hồ sơ và thành phần hồ sơ.

Lý do: Việc quy định cụ thể số lượng hồ sơ và thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa bổ sung số lượng hồ sơ và thành phần hồ sơ tại Quyết định số 56/2010/QĐ-TTg ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định thẩm quyền thành lập, tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp.

XII. THANH TRA TỈNH

1. Thực hiện việc giải trình

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn thực hiện việc giải trình từ 15 ngày xuống 12 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 13, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP như sau:

“ b) Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 12 ngày, kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình; trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần; thời gian gia hạn không quá 12 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình”.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 231,919,200 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 197,176,320 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 34,742,880 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14,98 %.

XIII. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Về số thời gian giải quyết: Đề nghị rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 42 ngày làm việc xuống 38 ngày làm việc (Giảm thời gian kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu xuống từ 12 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc).

- Về hình thức nộp hồ sơ: Bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian theo đề nghị như trên giúp tiết kiệm thời gian chờ đợi của tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian giải quyết TTHC của cơ quan có thẩm quyền.

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 5.404.448 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 3.860,320 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 1.544,128 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,5 %.

c) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định tại Điều 21 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 03/9/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

“Điều 21. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả cấp tỉnh:

....

2. Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ....

6. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có kết luận của Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến đóng góp của Hội đồng và nộp tài liệu cho Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét công nhận kết quả thực hiện...”

XIV. SỞ TÀI CHÍNH

1. Quyết định tiêu hủy tài sản công.

a) Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị rút ngắn thời gian thực hiện từ 30 ngày xuống còn 27 ngày.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức, cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2, Điều 33 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về hướng dẫn Luật quản lý, sử dụng tài sản công như sau:

“2. Trong thời hạn 27 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 32 Nghị định này quyết định tiêu hủy tài sản công hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị tiêu hủy không phù hợp.”

c) Lợi ích của đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 179.759.640 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 162.388.200 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 17.371.440 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,5%.

2. Xử lý thiếu hụt tạm thời ngân sách cấp huyện

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước. Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết sẽ tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC cũng như nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức nhà nước trong giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 1, Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước theo hướng quy định cụ thể về thời hạn giải quyết hồ sơ xử lý thiếu hụt tạm thời ngân quỹ ngân sách cấp huyện.

XV. SỞ CÔNG THƯƠNG

1. Ban hành Kế hoạch phát triển chợ

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 5 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ theo hướng quy định cụ thể về thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

2. Ban hành Nội quy chợ mẫu

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 10 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ theo hướng quy định cụ thể về thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

3. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung thành phần hồ sơ.

Lý do: Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 16 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ theo hướng quy định cụ thể về thành phần hồ sơ.

4. Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung thành phần hồ sơ.

Lý do: Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 24 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ theo hướng quy định cụ thể về thành phần hồ sơ.

5. Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp huyện quản lý

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung thành phần hồ sơ.

Lý do: Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận

chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 24 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ theo hướng quy định cụ thể về thành phần hồ sơ.

6. Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp huyện

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung thành phần hồ sơ.

Lý do: Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 17 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ theo hướng quy định cụ thể về thành phần hồ sơ.

7. Phê duyệt danh mục đề án, nhiệm vụ xúc tiến thương mại

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung thời hạn giải quyết.

Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ đảm bảo đúng thời gian quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 10 Quy chế Xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn kèm theo Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 18/08/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn theo hướng bổ sung quy định thời hạn giải quyết của thủ tục.

8. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất thuê gian hàng hội chợ, triển lãm

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “*Các quyết định về sản phẩm của cơ sở sản xuất đạt chứng nhận OCOP hoặc chứng nhận theo quy định (phô tô kèm theo)*”.

Lý do: Cơ quan quản lý nhà nước đã có danh sách, thông tin các sản phẩm OCOP hoặc chứng nhận của cơ sở.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm a, khoản 7.1, Điều 7 Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, hỗ trợ nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 28.857.160 đồng/ năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 20.736.520 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8.120.640 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,14 %.

9. Hỗ trợ thuê điểm bán sản phẩm trong nước

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thành phần hồ sơ “*Các quyết định về sản phẩm của cơ sở sản xuất đạt chứng nhận OCOP hoặc chứng nhận theo quy định (phô tô kèm theo)*”.

Lý do: Lý do: Cơ quan quản lý nhà nước đã có danh sách, thông tin các sản phẩm OCOP hoặc chứng nhận của cơ sở.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm b, khoản 7.2, Điều 7 Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, hỗ trợ nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 29.822.240 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 21.701.600 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8.120.640 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,23 %.

10. Hỗ trợ phát triển chế biến chè, miến dong; hỗ trợ sơ chế, chế biến được liệu

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ:

* Đối với trường hợp mua sắm máy móc, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất để chế biến hoặc nâng công suất chế biến:

+ Đề xuất bãi bỏ hồ sơ về lựa chọn nhà thầu cung ứng (Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định lựa chọn nhà thầu,...). Lý do: Vì đã có chứng thư thẩm định giá nên không cần hồ sơ thầu.

+ Đề xuất bãi bỏ các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng máy móc, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất đủ điều kiện để đưa vào sản xuất. Lý do: Vì hàng hóa đã được phép lưu thông trên thị trường nên không cần các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng.

* Đối với trường hợp đầu tư cơ sở vật chất (nhà xưởng) để sản xuất hoặc nâng công suất chế biến: Đề xuất bãi bỏ hồ sơ về lựa chọn nhà thầu thi công (Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Quyết định lựa chọn nhà thầu,...). Lý do: Vì đã có giấy phép xây dựng.

- Về thời hạn giải quyết: Đề nghị bổ sung thời hạn giải quyết. Lý do: Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc theo

đổi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ đảm bảo đúng thời gian quy định

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm 2, khoản II, mục 2, chương II Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, hỗ trợ nâng cao năng lực cho khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27/4/2022 của HĐND tỉnh.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hoá: 23.161.920 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hoá: 14.476.200 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8.685.720 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,5 %.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 26 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết sẽ tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC cũng như nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức nhà nước trong giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 4, Điều 26 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y theo hướng quy định cụ thể về thời hạn giải quyết hồ sơ.

2. Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại Điều 31, điểm a khoản 4 Điều 26 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y; Điều 11 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT. Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết sẽ tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC cũng như nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức nhà nước trong giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 31, điểm a, khoản 4 Điều 26 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y; Điều 11 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT theo hướng quy định cụ thể về thời hạn giải quyết hồ sơ.

3. Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại điểm đ, khoản 5, Điều 27 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Việc quy định cụ thể

thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm đ, khoản 5 Điều 27 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y theo hướng quy định cụ thể về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

4. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện theo công trạng

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 4, Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng như sau:

“...4. Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh:

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất); ...”

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 448.762.200 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 352.254.200 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 96.508.000 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,5 %.

5. Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 4, Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng như sau:

“...4. Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh:

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất); ...”

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 448.762.200 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 352.254.200 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 96.508.000 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,5 %.

6. Tặng danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 4, Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng như sau:

“...4. Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh:

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất); ...”

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 448.762.200 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 352.254.200 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 96.508.000 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,5 %.

7. Tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 4, Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng như sau:

“...4. Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh:

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất); ...”

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 448.762.200 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 352.254.200 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 96.508.000 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,5 %.

8. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 4, Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng như sau:

“...4. Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh:

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất); ...”

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 448.762.200 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 352.254.200 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 96.508.000 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,5 %.

9. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 4, Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng như sau:

“...4. Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh:

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất); ...”

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 448.762.200 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 352.254.200 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 96.508.000 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,5 %.

10. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 4, Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng như sau:

“...4. Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh:

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 2015 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất); ...”

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 448.762.200 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 352.254.200 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 96.508.000 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,5 %.

11. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện theo chuyên đề

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC do Sở Nội vụ thực hiện từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện cho tổ chức và cá nhân, đồng thời vẫn đảm bảo thời gian cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi khoản 4, Điều 32 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng như sau:

"...4. Thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh:

Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh: Cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất); ..."

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 448.762.200 đồng/ năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 352.254.200 đồng/ năm.
- Chi phí tiết kiệm: 96.508.000 đồng/ năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,5 %.

12. Xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách cấp xã

a) Nội dung kiến nghị: Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước. Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết sẽ tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC cũng như nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức nhà nước trong giải quyết TTHC.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm d, khoản 1, Điều 36 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước theo hướng quy định cụ thể về thời hạn giải quyết hồ sơ xử lý thiếu hụt tạm thời ngân quỹ ngân sách cấp xã.

13. Các thủ tục:

- Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư;

- Điều chỉnh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư.

a) Nội dung đơn giản hóa: Quy định cụ thể về thời hạn giải quyết.

Lý do: Do chưa được quy định cụ thể về thời gian thẩm định đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật tại Điều 59 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (đã được sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14). Việc quy định cụ thể thời gian giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho các chủ đầu tư trong việc theo dõi tiến độ giải quyết TTHC, cập nhật tiến độ thực hiện dự án. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi, chủ động trong việc xử lý hồ sơ đảm bảo theo quy định.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Điều 59 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (đã được sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14) theo hướng quy định cụ thể về thời hạn giải quyết hồ sơ đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.